TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35**/2025/DS-PT
Ngày: 07/8/2025
V/v: " Tranh chấp về thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Thường**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Long**

Bà **Trần Thị Kim Liên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thoa** – Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thi Nguyệt Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 199/2025/TLPT-DS ngày 20 tháng 5 năm 2025 về việc "*Tranh chấp về thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 21/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Tấn B – sinh năm 1974; cư trú tại số B (số A) đường X, tổ A, phường D, quận C, thành phố Hà Nội (nay thuộc phường C, thành phố Hà Nội), có mặt.

2. Bị đơn: Anh Cao Vương Đ - sinh năm 1977, cư trú tại xóm D, thôn B, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (nay thuộc xã M, tỉnh Quảng Ngãi), có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chị Trần Thị L (tên gọi khác: Trần Thị Thu L) – sinh năm 1977;

3.2 Cháu Cao Vương V – sinh năm 2002;

3.3 Bà Huỳnh Thị N2 – sinh năm 1952;

3.4 Ông Cao Vương T – sinh năm 1948;

3.5 Anh Cao Vương Q - sinh năm 1981;

3.6 Chị Trần Thị L1 – sinh năm 1987;

3.7 Cháu Cao Thanh B1 – sinh năm 2011;

3.8 Cháu Cao Bảo Q1 – sinh năm 2020;

Người đại diện hợp pháp của các cháu B1, *cháu* Q1*:* Anh Cao Vương Q và chị Trần Thị L1 (là cha mẹ đẻ của các cháu).

3.9 Anh Cao Vương Q2 – sinh năm 1987;

3.10 Chị Hoàng Thị H – sinh năm 1987;

3.11 Cháu Cao Hoàng Q3 – sinh năm 2014;

3.12 Cháu Cao Thị Như Q4 – sinh năm 2018;

Người đại diện hợp pháp của các cháu Q3, Q4*:* Anh Cao Vương Q2 và chị Hoàng Thị H (là cha mẹ đẻ của các cháu).

Cùng cư trú tại xóm D, thôn B, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (nay thuộc xã M, tỉnh Quảng Ngãi); anh Q, anh Q2 có mặt, còn lại đều vắng mặt.

3.13 Bà Huỳnh Thị N – sinh năm 1971;

3.14 Cụ Đào Thị P – sinh năm 1934;

Cùng cư trú tại số B (nay là số A) đường X, tổ A, phường D, quận C, thành phố Hà Nội (nay thuộc phường C, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo uỷ quyền của cụ Đào Thị P *và bà* Huỳnh Thị N*:* Ông Huỳnh Tấn B - sinh năm 1974; cư trú tại số B (số A) đường X, tổ A, phường D, quận C, thành phố Hà Nội (nay thuộc phường C, thành phố Hà Nội). Theo các văn bản uỷ quyền ngày 05/11/2024 và ngày 28/02/2025, có mặt.

3.15 Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi và Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Quảng Ngãi), vắng mặt.

3.16 Bà Nguyễn Thị H1; cư trú tại thôn D, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (nay thuộc xã M, tỉnh Quảng Ngãi), vắng mặt.

3.17 Ông Nguyễn K;

3.18 Ông Nguyễn T1;

3.19 Ông Nguyễn N1;

3.20 Ông Nguyễn C;

Cùng cư trú tại thôn F, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (nay thuộc xã M, tỉnh Quảng Ngãi), vắng mặt.

3.21 Ông Nguyễn T2; cư trú tại thôn C, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (nay thuộc xã M, tỉnh Quảng Ngãi), vắng mặt.

3.22 Bà Trần Thị K1 – sinh năm 1955; cư trú tại số D đường P, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (nay thuộc xã M, tỉnh Quảng Ngãi), vắng mặt.

3.23 Ông Trần D – sinh năm 1957;

3.24 Ông Trần A – sinh năm 1962;

Cùng cư trú tại tổ dân phố A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (nay thuộc xã M, tỉnh Quảng Ngãi), vắng mặt.

3.25 Bà Trần Thị Á – sinh năm 1963; cư trú tại thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (nay thuộc xã M, tỉnh Quảng Ngãi), vắng mặt.

3.26 Cụ Huỳnh Thị L2 – sinh năm 1943 (tên gọi khác là Huỳnh Thị G); cư trú tại thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay thuộc xã N, tỉnh Khánh Hòa), vắng mặt.

Do đơn kháng cáo của nguyên đơn là ông Huỳnh Tấn B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/5/2023; đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Huỳnh Tấn B trình bày*:

Cha ông là cụ Huỳnh Tấn V1 sinh năm 1928, chết năm 2001 (còn có tên gọi khác là Huỳnh T3) có vợ đầu là cụ Bùi Thị T4 và có được 01 người con gái là bà Huỳnh Thị N2 (tên gọi khác Huỳnh Thị Thành N2) và vợ thứ hai là cụ Đào Thị P, cụ V1 và cụ P có 02 người con chung là ông và bà Huỳnh Thị N; ngoài ra, cụ V1 không có con riêng, con nuôi nào khác.

Ông nội ông là cố Huỳnh H2 sinh năm 1902, chết năm 1993 có vợ là cố Lê Thị Đ1 chết khoảng năm 1940; giữa cố H2 và cố Đó có 06 người con nhưng có 03 người chết lúc nhỏ ông không rõ họ tên và 03 người còn lại là các cụ: Huỳnh Thị D1 (tên gọi khác là Ba K2 chết năm 2006), Huỳnh Thị D2 (tên gọi khác là Năm L3 chết năm 2013), Huỳnh Tấn V1 (sinh năm 1928, chết năm 2001); ngoài ra, cố H2 còn có một người con riêng là cụ Huỳnh Thị T5 (tên gọi khác là T5 gửi).

Cụ Huỳnh Thị D1 có chồng là cụ Nguyễn Văn T6 (không nhớ năm chết nhưng chết trước cụ D1) và 07 người con trong đó có 01 người chết lúc nhỏ không rõ họ tên và 06 người con là các ông, bà: N, Nguyễn C, Nguyễn Thị H1, Nguyễn T1, Nguyễn T2 và Nguyễn N1; ngoài ra cụ V2 và cụ T6 không có con nuôi, con riêng nào khác. Cụ Huỳnh Thị D2 có chồng là cụ Trần Văn D3 có 04 người con là các ông, bà: Trần Thị K1, Trần D, Trần A và Trần Thị Á, cụ Huỳnh Tấn V1 (cha của ông). Cố Hà và cố Đó cũng không có con nuôi, con riêng nào khác. Ông, bà nội ông chết đều không để lại di chúc.

Cha ông là chủ sở hữu thửa đất có số hiệu 1311, diện tích 2.120m^2, tại thôn H, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy Trích lục đại Nam Trung kỳ Chánh phủ do Sở địa chính tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 18/12/15 Bảo Đ2 (tức ngày 18/12/1940) có nội dung giấy báo về sự lưu chuyển 2063, có số hiệu điền chủ là 362, họ và tên điền chủ bây giờ Huỳnh T3 đứng tên. Khoảng năm 1951 cha ông kết hôn cùng với cụ Bùi Thị T4 và tiếp tục sinh sống trên thửa đất này. Năm 1952, cha ông và cụ T4 sinh được người con gái là bà Huỳnh Thị N2 (tên gọi khác là Huỳnh Thị Thành N2). Năm 1954, cha ông tập kết ra B và sinh sống tại miền B cho đến khi qua đời. Đến năm 1969, cha ông kết hôn với mẹ ông là cụ Đào Thị P và sinh được 02 người con là ông và bà Huỳnh Thị N. Năm 1975, cha ông về thăm quê, sau đó hằng năm cha ông vẫn thường xuyên về thăm quê mỗi năm một vài lần nhưng chỉ ở vài hôm rồi lại đi chứ không sinh sống và trồng trọt, canh tác trên thửa này, mà sống tại Hà Nội. Khi cố H2 còn sống thì thửa này do cố H2 quản lý, sử dụng sau khi cố H2 chết vào năm 1993 thì thửa đất này do cha ông quản lý, sử dụng; mặc dù cha ông không sinh sống trên đất nhưng hằng năm vẫn đi đi về về để thăm nom, trông coi thửa đất trên. Cụ T4 và bà N2 chỉ ở trên đất, không canh tác, trồng trọt gì trên thửa này. Sau khi cha ông mất thì ông là người quản lý đất, còn gia đình bà N2 là người sử dụng đất.

Tại sổ mục kê quyển 1 của Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã Đ vào ngày 04/8/1987, trang số 105 không có người đăng ký kê khai nhưng theo sổ 5b tại trang số 106 bà Huỳnh Thị N2 tự ý đăng ký kê khai ghi tên chủ sử dụng đất là Huỳnh T3 và Huỳnh Thị N2 đối với thửa 588, tờ bản đồ số 3, xã Đ. Việc bà N2

tự ý đăng ký kê khai và ghi tên Huỳnh T3, Huỳnh Thị N2 thì gia đình ông không ai biết. Thửa 588 không được đưa vào Hợp tác xã quản lý mà đất này do cha ông nhận chuyển nhượng nên thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của cha ông. Năm 1997, bà N2 tự ký làm đơn đăng ký kê khai cấp GCNQSDĐ và ký tên cụ Bùi Thị T4, được UBND huyện M cấp GCNQSDĐ cho hộ cụ Bùi Thị T4 có số phát hành L 374242, số vào sổ cấp GCN 00356/QSDĐ/1/36 đối với thửa đất số 588, tờ bản đồ số 3 (bản đồ 299/TTg) diện tích 1.800m^2 vào ngày 24/11/1997. Việc hộ cụ Bùi Thị T4 được cấp GCNQSDĐ đối với thửa 588 vào năm 1997 thì cả gia đình ông không ai biết, đến năm 2020 khi phát sinh tranh chấp thì ông mới biết việc cụ T4 đã được cấp GCNQSDĐ từ năm 1997 đối với thửa 588 và bà N2, ông T được cấp GCNQSDĐ đối với thửa 622, tờ bản đồ số 25, diện tích 836m^2, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (viết tắt là thửa 622), phần diện tích đất còn lại là thửa đất số 778, tờ bản đồ số 25, xã Đ (viết tắt là thửa 778) chưa được cấp đổi GCNQSDĐ cho ai.

Năm 1996, cha ông lập chúc thư *"Thân giao quyền sử dụng vường nhà đất thổ cư"* được UBND xã Đ xác nhận ngày 24/5/1996, theo chúc thư này thì phần diện tích cha ông giao cho bà N2, quản lý, sử dụng nay là phần đất ở phía Tây của thửa 622, trên đất có nhà hiện gia đình anh Cao Vương Q đang ở; có chiều ngang của cạnh phía Nam thửa đất là 10m; chiều dài hết đất theo sơ đồ địa chính thửa đất do Công ty TNHH T14 – Chi nhánh tại Quảng Ngãi lập ngày 19/02/2024. Phần diện tích còn lại cha ông giao cho ông và bà N quản lý, sử dụng làm nơi thờ cúng, hiện nay có một phần nhà gia đình anh Q đang sử dụng; nhà cấp IV hiện bà N2, ông T và gia đình anh Q2 đang sử dụng; 01 căn nhà cấp IV của cha ông xây năm 1977 và 02 căn nhà cấp IV do gia đình anh Đ đang sử dụng; ngoài ra còn có một số công trình xây dựng và cây trồng gắn liền với đất theo sơ đồ địa chính thửa đất do Công ty TNHH T14 – Chi nhánh tại Quảng Ngãi lập ngày 19/02/2024. Đối với các tài sản gắn liền với đất trên phần đất ông và bà N được nhận thì ông và bà N sẽ thanh toán lại giá trị các công trình xây dựng gắn liền với đất và các cây trồng trên đất theo giá của chứng thư thẩm định giá số CTĐNQNG0071223 do công ty TNHH T15 – Chi nhánh Đ3, Văn phòng đại diện tại Quảng Ngãi lập ngày 08/4/2024. Riêng đối với căn nhà thờ cấp IV có kết cấu vách xây đá ong, nền lát gạch hoa, đà gỗ, xà gồ gỗ, mái lợp ngói, phía hè trước có đổ bê tông xi măng cốt thép, trên phần bê tông cốt thép này có lợp tole là do cụ V1 xây dựng năm 1977 và 01 cái giếng phía trước nhà anh Đ là của cụ V1 xây dựng nên ông và bà N sẽ không thanh toán lại giá trị căn nhà và giếng này cho ai.

Mặc dù, ông đã nhiều lần yêu cầu bà N2 thực hiện theo chúc thư do cha ông để lại, giao đất cho ông và bà N để ông xây dựng lại nhà thờ có nơi thờ cúng ông, bà tổ tiên nhưng bà N2 cố tình không thực hiện theo đúng theo chúc thư do cha ông để lại.

Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số L 374242, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00356QSDĐ/1/36 do UBND huyện M, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho bà Bùi Thị T4 vào ngày 24/12/1997 đối với thửa đất số 588, tờ bản đồ số 3, có diện tích 1.800m^2 tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; hủy GCNQSDĐ số AD 112885, số vào sổ H.04737 do UBND huyện M cấp ngày 18/10/2005 cho bà Huỳnh Thị N2 và ông

Cao Vương T diện tích 836m^2; yêu cầu bà Huỳnh Thị N2, ông Cao Vương T, anh Cao Vương Đ, anh Cao Vương Q, anh Cao Vương Q2 trả lại diện tích 1.814m^2 là thửa 588, tờ bản đồ số 3 (bản đồ 299/TTg) nay là thửa đất số 622 có diện tích 836m^2 và thửa 778, diện tích 1.228m^2 cùng thuộc tờ bản đồ số 25, tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi cho ông và bà Huỳnh Thị N được thừa kế theo chúc thư.

Tại biên bản hòa giải ngày 20/8/2024 và tại phiên tòa, ông B xác định: Trong trường hợp *"Chúc thư thân giao quyền sử dụng đất vường nhà thổ cư"* do cha ông lập ngày 24/5/1996, được UBND xã Đ xác nhận cùng ngày 24/5/1996 không hợp pháp thì ông yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật của cha ông là thửa 588 (nay là thửa 622 và thửa 778) cho các đồng thừa kế của cụ Huỳnh Tấn V1. Ông không tranh chấp ngôi nhà thờ có kí hiệu là g3, có diện tích 63,6m^2; nhà g4, có diện tích 38,9m^2 và giếng đào đường kính là 1,2m (theo sơ đồ địa chính thửa đất do Công ty TNHH T14 và bản đồ Nhật T7 đo vẽ ngày 19/02/2024).

** Tại Bản trình bày ý kiến ngày 14/3/2024, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Cao Vương Đ trình bày:*

Cố Huỳnh H2 (tên gọi khác là Huỳnh T3) chết năm 1993 có vợ là cố Lê Thị Đ1 chết khoảng năm 1940; giữa cố H2 và cố Đó có 06 người con nhưng có 03 người chết lúc nhỏ không rõ họ tên và 03 người còn lại là các cụ:

Huỳnh Thị D1, không rõ năm sinh nhưng chết năm 2006; có chồng là cụ Nguyễn Văn T6 (không nhớ năm chết nhưng chết trước cụ D1). Cụ D1 và cụ T6 có 07 người con trong đó có 01 người chết lúc nhỏ không rõ họ tên và 06 người con là các ông, bà: N, Nguyễn C, Nguyễn Thị H1, Nguyễn T1, Nguyễn T2 và Nguyễn N1; ngoài ra, cụ D1 và cụ T6 không có con nuôi, con riêng nào khác; cụ Huỳnh Thị D2 (chết năm 2013) có chồng là cụ Trần Văn D3 (chết trước năm 1980); cụ D2 và cụ D3 có 04 người con là các ông, bà: Trần Thị N3 (chết lúc nhỏ); Trần Thị K1, Trần D, Trần A và Trần Thị Á, ngoài ra không có con nuôi, con riêng nào khác; cụ Huỳnh Tấn V1 (sinh năm 1928, chết năm 2001) là ông ngoại của ông, cụ V1 (chết năm 2001) có vợ đầu là cụ Bùi Thị T4 (chết năm 2012) và có được 01 người con gái là bà Huỳnh Thị N2 (tên gọi khác Huỳnh Thị Thành N2) và vợ thứ hai là cụ Đào Thị P, cụ V1 và cụ P có 02 người con chung là ông Huỳnh Tấn B và bà Huỳnh Thị N; ngoài ra cụ V1 không có con riêng, con nuôi nào khác. Ngoài những người con trên thì cố Huỳnh H2 còn có một người con riêng là cụ Huỳnh Thị G (tên gọi khác là Tám gởi); cư trú tại thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Từ năm 1977, khi anh sinh ra còn nhỏ, lớn lên đi học thì anh ở cùng nhà với cha, mẹ, bà ngoại là cụ Bùi Thị T4 và cố Huỳnh H2 tại mảnh vườn của cố H2 mua năm 1940 ở thôn B, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi cố H2 chết thì anh vẫn sống cùng với cha, mẹ và bà ngoại trên mảnh vườn này. Năm 2001, anh lập gia đình, đến năm 2002, cha mẹ anh và bà ngoại thống nhất cho anh căn nhà cấp IV giáp với căn nhà thờ do cố H2 xây dựng năm 1977 để vợ chồng anh ở riêng. Năm 2005, cụ T4 chết. Năm 2015, anh xin cha, mẹ phần đất ở phía Đông của nhà thờ để xây dựng nhà ở và các công trình phụ khác, đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của vợ chồng anh. Ông B biết việc cha, mẹ anh cho đất để anh xây dựng nhà vào năm 2015 nhưng ông B không có ý kiến gì. Do đó, anh không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy các GCNQSDĐ và

đòi lại quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.800m^2 đất thuộc thửa 588 (nay là thửa 622 và thửa 778).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị L trình bày:* Chị thống nhất với lời trình bày của anh Cao Vương Đ, không bổ sung nội dung gì.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ là bà Huỳnh Thị N2 trình bày:* Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn B vì các yêu cầu hủy GCNQSDĐ số L 374242, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00356QSDĐ/1/36 do UBND huyện M, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho hộ cụ Bùi Thị T4 vào ngày 24/12/1997 đối với thửa 588, tờ bản đồ số 3, có diện tích 1.800m^2 tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; hủy GCNQSDĐ số AD 112885, số vào sổ H.04737 do UBND huyện M cấp ngày 18/10/2005 cho bà Huỳnh Thị N2 và ông Cao Vương T diện tích 836m^2 thuộc thẩm quyền của UBND huyện M.

Đối với nội dung yêu cầu đòi lại đất, buộc bà, ông Cao Vương T, anh Cao Vương Đ, anh Cao Vương Q, anh Cao Vương Q2 trả lại diện tích 1.814m^2 thuộc thửa 588, tờ bản đồ số 3 (bản đồ 299/TTg) nay là thửa 622 có diện tích 836m^2 và thửa 778, diện tích 1.228m^2 cùng thuộc tờ bản đồ số 25, tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi cho ông B và bà Huỳnh Thị N được thừa kế theo chúc thư thì bà không đồng ý vì việc cải tạo, xây dựng, sửa chữa nhà ở đã được thực hiện xong mà không biết có chúc thư. Việc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện việc sửa chữa, xây dựng nhà cửa trên thửa đất 622 và thửa 778 thì nguyên đơn biết nhưng không có ý kiến gì, hằng năm nguyên đơn có về thăm quê từ 1-2 lần. Ông Huỳnh Tấn B và bà Huỳnh Thị N chưa thực hiện đúng nghĩa vụ, trách nhiệm thờ cúng, hương khói ông, bà tổ tiên như cụ Huỳnh Tấn V1 đã nêu trong chúc thư. Theo giấy Trích lục Đại nam Trung kỳ chánh phủ do Sở Đ4 cấp ngày 18-12-15 Bảo Đại (tức ngày 18/12/1940) họ tên điền chủ bấy giờ là cố Huỳnh T3, số hiệu điền chủ 362, giấy báo về sự lưu truyền 2063, cách lưu truyền tuyệt mãi. Theo giấy tờ trên thì cố Huỳnh Hà T8 gọi khác là Huỳnh T3 là chủ mảnh đất trên chứ không phải cụ Huỳnh Tấn V1 (Thiệt); cụ V1 – sinh năm 1928, lúc này cụ V1 mới 12 tuổi nên không thể thực hiện các giao dịch về mua bán đất theo quy định pháp luật.

Ngày 05/9/2024, bà Huỳnh Thị N2 có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu, ông, bà nội của bà đều chết trước ngày 05/5/1993, cụ thể cố Huỳnh H2 chết ngày 28/02/1993 còn cố Lê Thị Đ1 chết năm 1941 đến nay đã quá 30 năm nên bà yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với di sản của cố H2 và cố Đó để lại.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Cao Vương Q2 trình bày:* Anh thống nhất với trình bày của anh Cao Vương Đ và bà Huỳnh Thị N2 về quan hệ huyết thống.

Về nguồn gốc thửa 588, tờ bản đồ số 3 (bản đồ 299/TTg) nay là thửa 622 và thửa 778 là của ông cố ngoại của anh là cố Huỳnh H2 (tên gọi khác là Huỳnh T3) nhận chuyển nhượng theo giấy Trích lục Đ2 nam Trung kỳ chánh phủ vào ngày 18-12-15 Bảo Đ2 (năm 1940) có nội dung giấy báo về sự lưu chuyển 2063, có số hiệu điền chủ là 362, họ và tên điền chủ bây giờ Huỳnh T3. Căn cứ này thì cố Huỳnh H2 (Huỳnh T3), sinh năm 1902 là chủ mảnh đất trên, không phải cụ Huỳnh Tấn V1; cụ V1 sinh năm 1928, tại thời điểm ngày 18/12/1940, cụ V1 được 12 tuổi

thì không thực hiện được các giao dịch mua bán đất nên việc nguyên đơn trình bày cụ V1 sở hữu thửa đất trên là không đúng với quy định của pháp luật.

Tại Sổ mục kê quyển 1 của UBND xã Đ lập vào ngày 04/8/1987, trang số 105 không có người đăng ký kê khai, nhưng theo Sổ 5b tại trang số 106 cố Huỳnh Thiệt và bà Huỳnh Thị N2 là người đứng tên đăng ký kê khai đối với thửa 588. Cố Huỳnh Thiệt T9 cho thửa 588 (nay là thửa 622 và thửa 778) xã Đ cho mẹ anh nên mới để cho bà N2 cùng đứng tên kê khai trên Sổ đăng ký ruộng đất (mẫu 5b).

Dựa trên Đơn đăng ký quyền sử dụng đất của cụ Bùi Thị T4 vào ngày 13/7/1997 thì ngày 24/12/1997 UBND huyện M cấp GCNQSDĐ cho hộ cụ Bùi Thị T4 có số phát hành L 374242, số vào sổ cấp GCN 00356/QSDĐ/1/36 đối với thửa 588, tờ bản đồ số 3 (bản đồ 299/TTg) diện tích 1.800m^2 cho hộ cụ Bùi Thị T4. Tại thời điểm Nhà nước cấp GCNQSDĐ cho hộ cụ Bùi Thị T4 thì bà N2 là thành viên trong hộ cụ T4. Sau khi cụ T4 mất vào ngày 18/10/2005, bà Huỳnh Thị N2 và ông Cao Vương T được UBND huyện M cấp GCNQSDĐ đối với thửa 622, phần diện tích đất còn lại là thửa 778 chưa được cấp đổi GCNQSDĐ cho ai vẫn thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của hộ cụ Bùi Thị T4 theo GCNQSDĐ cũ năm 1997.

Cụ Huỳnh Tấn V1 là hàng thừa kế thứ nhất của cố H2 (chết năm 1993), theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 623, Bộ luật Dân sự thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế, hết thời hạn này thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó; đồng thời theo quy định tại khoản 3 Điều 150 Bộ luật Dân sự 2015, thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà chủ thể được quyền khởi kiện để yêu cầu Toà án giải quyết vụ án dân sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện. Ngày 05/5/2023, ông Huỳnh Tấn B có đơn khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất của cha là cụ Huỳnh Tấn V1 là đã hết thời hiệu chia thừa kế đối với bất động sản là 30 năm.

Về Chúc Thư thân giao quyền sử dụng vườn nhà đất thổ cư ngày 25/4/1996 của cụ Huỳnh Tấn V1 thì như đã trình bày ở trên cụ V1 không phải là chủ sử dụng hợp pháp của thửa đất có số hiệu 1311 nên cụ V1 không có quyền lập chúc thư để giao quyền sử dụng đất đối với thửa đất có số hiệu 1311, theo bản đồ năm 1993 là thửa 588 (nay là thửa 622 và thửa 778) mà thửa đất trên là của cố T3, sau đó cố T3 cho bà N2 cùng đứng tên đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg. Theo quy định tại Điều 29 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959, thì cụ V1 và cụ T4 là vợ chồng, có quyền bình đẳng với nhau trong việc tạo lập, chiếm hữu, sở hữu, định đoạt tài sản chung, nên vợ hoặc chồng không thể lập di chúc định đoạt toàn bộ khối tài sản này nhưng cụ V1 đã tự ý lập chúc thư mà không có ý kiến của cụ T4 là không đúng quy định của pháp luật. Mặc khác, cụ V1 đã không sống trên thửa đất này từ năm 1954, sau năm 1975, cụ V1 mới về thăm quê, sau đó hằng năm cụ V1 vẫn về thăm quê mỗi năm một lần nhưng không sinh sống trên đất mà sống với cụ P và ông B, bà N ở Hà Nội. Về trách nhiệm đối với gia đình thì cụ V1 không thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với cha, mẹ, vợ và con nên không có quyền quyết định đối với thửa đất này.

Chúc thư trên được UBND xã Đ xác nhận chữ ký của cụ Huỳnh Tấn V1 là đúng mà không xác nhận nội dung gì liên quan đến việc lập chúc thư, cụ thể như diện tích là bao nhiêu; ai đứng tên quyền sử dụng đất; nội dung ban đầu ghi hai vợ chồng cụ V1 và cụ T4 nhưng sau đó cụ V1 là người đại diện duy nhất quyết định toàn bộ là không phù hợp với quy định của pháp luật. Theo như chúc thư thì ông B và bà N phải có trách nhiệm thờ cúng ông, bà tổ tiên, tuy nhiên, ông B và bà N không thực hiện lo lễ vật, hương khói tổ tiên, ông bà, cha mẹ trong những ngày kỷ niệm, ngày lễ lớn như Chúc thư của cụ V1 đã nêu. Việc xây dựng, tu sửa mồ mã cố Thiệt, cố Đó do cụ Bùi Thị T4 (sau khi cụ T4 mất thì cha, mẹ anh) lo liệu; đồng thời thường xuyên hương khói tổ tiên. Chúc thư liên quan đến 03 người con của cụ V1 được lập ngày 25/04/1996 thì phải được gửi đến 03 người con để thực hiện theo đúng chúc thư nhưng bà N2 không được biết Chúc thư này đến khi tranh chấp thì bà N2 mới biết có chúc thư do cụ V1 để lại.

Trên thửa 622 và thửa 778 có các tài sản gắn liền với đất như sau: Về phía Đông của thửa đất có 01 căn nhà cấp 4 của anh Cao Vương Đ và vợ là chị Trần Thị Thu L xây dựng năm 2015, hiện vợ chồng ông Đ và con trai là cháu Cao Vương V đang sống tại căn nhà này; tiếp đến là căn nhà thờ được xây dựng từ năm 1977 do cố Huỳnh H2 và bà ngoại anh là cụ Bùi Thị T4 xây dựng hiện dùng nơi thờ cúng, không ai ở trên căn nhà này; tiếp đến là căn nhà cấp 4 của ông Cao Vương T và bà Huỳnh Thị N2 xây dựng khoảng năm 2009 hiện có ông T, bà N2, vợ chồng anh Cao Vương Q2, chị Hoàng Thị H và các con là cháu Cao Hoàng Q3 và cháu Cao Thị Như Q4 đang sống tại căn nhà này; phía Tây của thửa đất có căn nhà cấp 4 của anh Cao Vương Q và vợ là chị Trần Thị L1 xây năm 2016 và các con là cháu Cao Thanh B1 và cháu Cao Bảo Q1 đang ở trên căn nhà này.

Do đó, anh không đồng ý đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nguồn gốc các thửa đất trên là của cố Huỳnh H2 (H), cố Huỳnh H2 đã cho bà ngoại là cụ Bùi Thị T4 và mẹ anh quản lý, sử dụng toàn bộ các thửa đất trên nên không còn là di sản thừa kế của cố H2 và cũng không phải là di sản của cụ V1 để lại; do đó, cụ V1 không có quyền định đoạt đối với toàn bộ di sản trên..

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Cao Vương Q trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của anh Cao Vương Đ, bà Huỳnh Thị N2, anh Cao Vương Q2.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Đào Thị P và bà Huỳnh Thị N do ông Huỳnh Tấn B là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:* Cụ P và bà N thống nhất với trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn B.

** Tại văn bản trình bày đề ngày 05/9/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Huỳnh Thị L2 (tên gọi khác là Huỳnh Thị G) trình bày:* Cụ có tên gọi khác là Tám G1, là con gái ruột của cố Huỳnh H2, em gái của cụ Huỳnh Tấn V1, cụ Huỳnh Thị D4 và cụ Huỳnh Thị D2. Vì tuổi cao, sức yếu không thể tham dự các phiên tòa nên cụ giao cho cháu Huỳnh Tấn B thay mặt cụ để trình bày, đồng thời thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ là chị Hoàng Thị H, chị Trần Thị L1, cháu Cao Vương V và các ông, bà Cao Vương T, Nguyễn Thị H1, Nguyễn K, Nguyễn T1, Nguyễn N1, Nguyễn C, Nguyễn T2, Trần Thị K1, Trần D, Trần A đã được*

Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn B.

** Tại Công văn số 59/UBND ngày 16/4/2024; biên bản làm việc ngày 14/3/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ là* Ủy ban nhân dân xã Đ *trình bày:* Nguyên thửa 588, tờ bản đồ số 03, Đ I bản đồ 299/TTg với diện tích 1.800m^2, nay là thửa 622 và 778, tờ bản đồ số 25 bộ địa chính xã Đ đo đạc năm 2004 là của cố Huỳnh H2 (tên thường gọi là Huỳnh T3) quản lý, sử dụng từ trước năm 1945. Đến năm 1987, cố Huỳnh H2 (tên thường gọi là Huỳnh T3) và cháu nội ruột là bà Huỳnh Thị N2 đứng tên kê khai đăng ký trong sổ đăng ký ruộng đất (mẫu 5b) tại thửa 588, tờ bản đồ số 03 với diện tích 1.800m^2. Đến năm 1993, cố Huỳnh H2 (H) qua đời. Năm 1997 con dâu của cố Huỳnh H2 là cụ Bùi Thị T4 (vợ của cụ Huỳnh Tấn V1, cụ V1 là con đẻ của cố Huỳnh H2) kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và được UBND huyện M cấp GCNQSDĐ số phát hành L 374242, số vào sổ cấp GCNQSDĐ 00356, cấp ngày 24/12/1997 với tổng diện tích 1.800m^2. Cụ Huỳnh Tấn V1 chồng cụ T4 sinh sống chủ yếu ở Hà Nội. Trong quá trình quản lý, sử dụng đến năm 2004, thực hiện theo dự án đa dạng hóa nông nghiệp đo đạc mới lại bản đồ địa chính thì thửa 588 được đo đạc thành 02 thửa 622 và 778. Cụ thể: thửa 622, tờ bản đồ số 25 với tổng diện tích 836m^2 do bà Huỳnh Thị N2 (con đẻ của cụ Huỳnh Tấn V1 và cụ Bùi Thị T4 và là cháu nội ruột của cố Huỳnh H2) kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và được UBND huyện M cấp GCNQSDĐ có số phát hành AD 112885, số vào sổ cấp GCNQSDĐ H.04737, cấp ngày 18/10/2005; thửa 778, tờ bản đồ số 25 với tổng diện tích 1.228m^2 đang do bà Huỳnh Thị N2 quản lý, sử dụng nhưng chưa kê khai đăng ký quyền sử dụng đất.

Về hồ sơ đăng ký, kê khai cấp GCNQSDĐ và hồ biến động thửa 588 và 622 xã Đ được lưu trữ tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q – Chi nhánh huyện M, không lưu trữ tại UBND xã Đ.

Thửa 588 không đưa vào Hợp tác xã nông nghiệp cũng không trong quỹ đất của đề án giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ.

Theo Sổ mục kê đất đai lập cho các tờ bản đồ 23, 24, 25, 26 xã Đ được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Quảng Ngãi lập ngày 20/3/2006, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ4 ký duyệt nghiệm thu ngày 21/3/2006 thể hiện thửa 778, tờ bản đồ số 25, diện tích 1.228m^2 do UBND xã Đ đứng tên quản lý, nhưng thực tế UBND xã Đ không quản lý, sử dụng thửa đất này mà gia đình bà N2 trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất này từ trước đến nay. Hiện nay, trên thửa đất 778 do anh Cao Vương Đ (là con trai bà N2) xây dựng nhà ở trên một phần thửa đất này. Thửa 778 chưa được cấp đổi lại GCNQSDĐ, (vì thửa 778 trước đây thuộc một phần của thửa 588, đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ cụ Bùi Thị T4 vào năm 1997).

Theo GCNQSDĐ số phát hành L 374242, số vào số cấp GCN 00356QSDĐ/1/36 do UBND huyện M cấp cho hộ cụ Bùi Thị T4 vào ngày 24/12/1997 đối với thửa 588, có diện tích 1.800m^2 (nay được biến động thành thửa 622 và thửa 778) nhưng theo Sơ đồ địa chính thửa đất do Công ty TNHH T14 – Chi nhánh Q5 thực hiện ngày 19/02/2024 thì thửa 622 và 778 có diện tích 2.048,3m^2 chênh lệch tăng 248,3m^2 so với diện tích thửa 588 trong GCNQSDĐ

đã được cấp cho hộ cụ T4. Sở dĩ, có phần diện tích đất tăng này là do thửa 588 có nguồn gốc theo Trích lục đại nam trung kỳ chánh phủ chính là thửa đất có số hiệu 1311, tờ bản đồ số 2 (đo vẽ năm 1937) tại thôn H, xã C, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 4 sào 04 thước (tương ứng 2.133,12m^2). Quá trình quản lý, sử dụng thửa 588 (nay là thửa 622 và thửa 778) gia đình bị đơn xây tường rào xung quanh khuôn viên, bao bọc toàn bộ thửa đất trên. Do đó, phần diện tích đất tăng này là do sai số trong quá trình đo đạc, ranh mốc giới thửa đất ổn định qua các thời kỳ, gia đình bị đơn không lấn chiếm, không tranh chấp ranh giới với các hộ sử dụng đất liền kề.

Cố Huỳnh H2 có 04 người con đẻ: là cụ Huỳnh Tấn V1 (chết); cụ Huỳnh Thị D1 (chết); cụ Huỳnh Thị D2 (chết); cụ Huỳnh Thị G (cùng cha khác mẹ đang ở thành phố N, tỉnh Khánh Hòa)

Cụ Huỳnh Tấn V1 và vợ Bùi Thị T4 có con đẻ là bà Huỳnh Thị N2. Năm 1954, cụ Huỳnh Tấn V1 đi tập kết có 02 người con ở Hà Nội là: bà Huỳnh Thị N và ông Huỳnh Tấn B.

Cố Huỳnh H2 (tên thường gọi là Huỳnh T3) nên cố Huỳnh H2 và cố Huỳnh Thiệt L4 cùng một người.

** Tại Công văn số 838/UBND ngày 29/5/2024 và Công văn số 1094/UBND ngày 09/7/2024, UBND huyện M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Thửa 588 nay thuộc thửa 622, 778 xã Đ có nguồn gốc thuộc quyền quản lý, sử dụng cố Huỳnh H2 để lại cho con trai là cụ Huỳnh Tấn V1 (H), vợ là cụ Bùi Thị T4 quản lý sử dụng đến năm 2000 thì cụ Huỳnh Tấn V1 (H) chết, cụ Bùi Thị T4 chết năm 2012.

Ngày 25/4/1996, cụ Huỳnh Tấn V1 (H) lập chúc thư phân chia quyền sử dụng đất cho các con và được UBND xã Đ ký xác nhận cùng ngày 25/4/1996, cụ thể: Phần bà Huỳnh Thị Thành N2 (Huỳnh Thị N2) được nhận phần đất phía Tây mảnh vườn (trừ phần ao nước) có số hiệu là 1311 theo trích lục của Sở Địa chính thời chính phủ trung kỳ cấp năm B2 đại thứ 15, có giới cận: Phía Đông giáp mảnh vườn có số hiệu là 1311 (vườn chính); phía Tây giáp mảnh vườn có số hiệu là 1310, phía Nam giáp mảnh vườn có số hiệu là 1326, phía Bắc giáp mảnh vườn có số hiệu là 1308. Vị trí đất chia cho bà Nhân T10 từ phía Tây chạy dọc xuống phía Đông của mảnh vườn có số hiệu là 1311 là 10m (mười mét), chạy ra phía Bắc giáp mảnh vườn có số hiệu là 1308. Phần bà Huỳnh Thị N và ông Huỳnh Tấn B nhận phần đất còn lại sau khi trừ phần đất đã phân chia cho bà N2, gồm có nhà ở và đất vườn. Về nhà ở dùng để làm nhà thờ tổ tiên, ông, bà, cha, mẹ do ông Huỳnh Tấn B trọn quyền sử dụng.

Thực hiện Chỉ thị 299/TTg của Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký thống kê ruộng đất trong cả nước, thửa 588, tờ bản đồ số 3 (bản đồ 299/TTg) do cụ Huỳnh T3, bà Huỳnh Thị N2 đứng tên kê khai trong sổ đăng ký ruộng đất mẫu số 5b, do UBND xã Đ lập ngày 04/8/1987, với diện tích 1.800m^2, loại ruộng đất T11

Năm 1997, cụ Bùi Thị T4 (vợ cụ Huỳnh Tấn V1) được UBND huyện cấp GCNQSDĐ lần đầu số L 374242, số vào sổ 00356 QSDĐ/1/36 cấp ngày 24/12/1997 đứng tên hộ cụ Bùi Thị T4, tại thửa đất số 588, tờ bản đồ số 3 (bản đồ

299/TTg), diện tích 1.800m^2. Thực hiện Dự án đa dạng hóa Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn xã Đ, Tổ công tác đo đạc lập bản đồ địa chính, đo tách thửa đất số 588, tờ bản đồ số 3 (bản đồ 299/TTg), diện tích 1.800m^2 thành 02 thửa đất, gồm: Thửa 622, tờ bản đồ số 25 (bản đồ đo đạc năm 2004) đã được UBND huyện cấp GCNQSDĐ số AD 112885, số vào sổ H.04737, cấp ngày 18/10/2005 cho bà Huỳnh Thị N2, ông Cao Vương T, diện tích 836m^2; thửa 778, diện tích 1.228m^2 chưa được cấp đổi lại GCNQSDĐ.

Tại sổ đăng ký ruộng đất (mẫu số 5b) được UBND xã Đ ký ngày 04/8/1987, thửa 588, tờ bản đồ số 3 (bản đồ 299/TTg) diện tích 1.800m^2, loại ruộng đất T do cụ Huỳnh T3, bà Huỳnh Thị N2 đứng tên kê khai. Đến năm 1997, cụ Bùi Thị T4 kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và được UBND huyện cấp GCNQSDĐ vào ngày 24/12/1997 đứng tên hộ cụ Bùi Thị T4, diện tích 1.800m^2.

Theo đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ghi ngày 13/7/1997 của cụ Bùi Thị T4 (do bà N2 ký thay) và sổ đăng ký ruộng đất (mẫu số 5b) đều thể hiện diện tích 1.800m^2, loại đất T nhưng GCNQSDĐ vào ngày 24/12/1997 cho hộ bà Bùi Thị T4, diện tích 1.800m^2, trong đó có 200m^2 đất ở và 1.600m^2 đất vườn là cấp theo hạn mức đất ở. Việc cấp GCNQSDĐ cho hộ cụ Bùi Thị T4 vào ngày 24/12/1997, tại thửa đất số 588, tờ bản đồ số 3 (bản đồ 299/TTg) diện tích 1.800m^2 là đảm bảo trình tự, thủ tục quy định, tại thời điểm cấp GCNQSDĐ không có tranh chấp.

Việc cấp GCNQSDĐ cho bà Huỳnh Thị N2, ông Cao Vương T, tại thửa đất số 622, tờ bản đồ số 25 (bản đồ đo đạc năm 2004), diện tích 836m^2, cấp ngày 18/10/2005 là chưa đảm bảo theo trình tự, thủ tục, vì chưa thực hiện thủ tục tách thửa theo quy định, (vì thửa đất số 622, tờ bản đồ số 25 (bản đồ đo đạc năm 2004) trước đây thuộc một phần của thửa đất số 588, tờ bản đồ số 3, bản đồ 299/TTg, đã được cấp GCNQSDĐ cho cụ Bùi Thị T4 vào năm 1997). Theo GCNQSDĐ số AD 112885, số vào sổ H.04737, cấp ngày 18/10/2005 cho bà Huỳnh Thị N2, ông Cao Vương T, diện tích 836m^2 nhưng qua đo đạc thực tế thì diện tích là 870,3m^2, tăng 34,3m^2 so với GCNQSDĐ đã cấp.

Hiện nay, thửa 778, tờ bản đồ số 25 (bản đồ đo đạc năm 2004) của xã Đ do ông Cao Vương Đ là người đang sử dụng và xây dựng nhà ở trên một phần của thửa đất này. Thửa 778 chưa được cấp đổi lại GCNQSDĐ, (vì thửa 778 trước đây thuộc một phần của thửa 588, đã được cấp GCNQSDĐ cho cụ Bùi Thị T4 vào năm 1997).

Theo Công văn số 1094/UBND –KT ngày 09/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện M xác định cố Huỳnh H2 còn có tên gọi khác là cố Huỳnh T3, ngoài ra không còn tên gọi nào khác.

Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 21/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Tấn B về việc:

- Buộc bà Huỳnh Thị N2, ông Cao Vương T, ông Cao Vương Đ, anh Cao Vương Q, anh Cao Vương Q2 trả lại diện tích 1.814m^2 là thửa đất số 588, tờ bản đồ số 3 (bản đồ 299/TTg) nay là thửa đất số 622 có diện tích 836m^2 và thửa đất số 778, diện tích 1.228m^2 cùng thuộc tờ bản đồ số 25, tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (bản đồ đo đạc năm 2004) cho ông Huỳnh Tấn B và bà Huỳnh Thị N được

thừa kế theo Chúc thư thân giao quyền sử dụng vườn, nhà đất thổ cư do cụ Huỳnh Tấn V1 lập ngày 26/4/1996.

- Chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 588, tờ bản đồ số 3 (bản đồ 299/TTg) nay là thửa đất số 622 và thửa đất số 778, cùng tờ bản đồ số 25, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi của cụ Huỳnh Tấn V1 cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn B tuyên hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau đây:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 374242, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00356QSDĐ/1/36 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho hộ bà Bùi Thị T4 vào ngày 24/12/1997 diện tích 1.800m^2 tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 112885, số vào sổ H.04737 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 18/10/2005 cho bà Huỳnh Thị N2 và ông Cao Vương T diện tích 836m^2.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01 tháng 04 năm 2025, ông Huỳnh Tấn B kháng cáo đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế; tại phiên tòa ông B vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết lại theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Án sơ thẩm xác định về thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cố H2 và cố Đó đã hết, về thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Huỳnh Tấn V1 vẫn còn và xác định hàng thừa kế của cố Huỳnh H2, cố Lê Thị Đ1 và cụ Huỳnh Tấn V1 các đương sự thống nhất không có kháng cáo và không có kháng nghị.

[2] Án sơ thẩm xác định tên Huỳnh T3 chính là tên của cố Huỳnh H2 là không đúng mà Huỳnh T3 chính là tên của cụ Huỳnh Tấn V1. Bởi lẽ, theo các giấy tờ do ông B cung cấp gồm: Giấy chứng minh cụ Huỳnh Tấn V1 *(bố, mẹ là cố Huỳnh H2, cố Lê Thị Đ1);* lý lịch tự thuật *(có nội dung: cụ Huỳnh Tấn V1 lúc nhỏ có tên là T3)*; biên bản làm việc gia tộc họ H3 *(có nội dung: ông T3 (Huỳnh Tấn V1)*; chúc thư ông Huỳnh Tấn V1 lập ngày 05/4/1996 *(có nội dung: Họ và tên cha Huỳnh Tấn V1 (T3) 70 tuổi, mẹ Bùi Thị T4 68 tuổi)*. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị L2 có đơn gửi Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ngày 05/9/2024 (Bl 383) thể hiện: bà Huỳnh Thị L2 (con ông Huỳnh H2) em gái anh Huỳnh T12 (Huỳnh Tấn V1).

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương đều thống nhất chia thừa kế di sản của cụ V1, cụ T4 là thửa đất số 588, tờ bản đồ số 3 (bản đồ 299/TTg), xã Đ (viết tắt là thửa 588), nay là thửa đất số 622 và thửa đất số 778, cùng tờ bản đồ số 25 (bản đồ đo đạc năm 2004) (viết tắt là thửa 622 và thửa 778); trên hai thửa đất này, hiện nay có ngôi nhà thờ do cụ V1 xây dựng, nhà anh Cao Vương T13, nhà anh Cao Vương Q, nhà anh Cao Vương Q2 ở cùng với cha mẹ chưa chia; nếu chia

thì chia đất phải chia đất gắn liền với nhà ở, nhà thờ mà các bên đã xây dựng theo hiện trạng hiện nay đang quản lý sử dụng.

[4] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu thừa kế di sản của cụ V1, cụ T4 là không đúng quy định pháp luật; tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương thống nhất hàng thừa kế và di sản của cụ V1, cụ T4 để lại chưa chia nhưng không thỏa thuận được về cách phân chia hiện vật cụ thể, để bảo đảm việc xét xử hai cấp; Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 21/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm là phù hợp với đề nghị của Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng và kháng cáo của ông Huỳnh Tấn B.

[5] Theo Khoản 3, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì ông B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 3, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Tấn B.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 21/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: H4 lại cho ông Huỳnh Tấn B 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0001311 ngày 29/4/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VCT&XXPT tại Đà Nẵng ;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, P.HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thường